TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/**2022/DS-ST
Ngày: 18-3-2022
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Bà Phan Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2021/TLST-DS ngày 13/7/2021 về "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-DS ngày ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị G**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Võ Thanh T**, sinh năm 1973, trú tại: Khu phố A, thị trấn B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 14/7/2021) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Trịnh Thanh H**, sinh năm 1961 (vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 29/6/2021; đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 30/11/2021; biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2021; biên bản hòa giải ngày 25/11/2021 và ngày 18/02/2022 và trong quá trình xét xử, ông Võ Thanh T người đại diện hợp pháp nguyên đơn trình bày:*

Ông Trịnh Thanh H có vay tiền nhiều lần của bà Trần Thị G, cụ thể như sau:

- Ngày 07/4/2020 âm lịch vay 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/ngày, 10 ngày trả lãi một lần, không thỏa thuận thời hạn trả gốc.

- Ngày 10/4/2020 âm lịch vay 560.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/ngày, 10 ngày trả lãi một lần, không thỏa thuận thời hạn trả gốc.

- Ngày 18/4/2020 âm lịch vay 270.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/ngày, 10 ngày trả lãi một lần, không thỏa thuận thời hạn trả gốc.

- Ngày 16/5/2020 âm lịch vay 330.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/ngày, 10 ngày trả lãi một lần, không thỏa thuận thời hạn trả gốc.

- Ngày 16/5/2020 âm lịch vay 355.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/ngày, 10 ngày trả lãi một lần, không thỏa thuận thời hạn trả gốc.

Đến ngày 28/9/2020 dương lịch hai bên chốt nợ thì ông H còn thiếu số tiền 1.715.000.000 đồng và ông H hẹn 06 tháng trả đủ số tiền này, ông H có viết biên nhận nhận nợ giao cho bà G giữ.

Từ khi vay đến nay ông H chưa trả gốc, lãi được đồng nào.

Trước đây chỉ khởi kiện hai biên nhận ngày 10/4/2020 âm lịch đối với số tiền vay 560.000.000 đồng và biên nhận ngày 16/5/2020 âm lịch đối với số tiền vay 355.000.000 đồng. Nhưng để Tòa án giải quyết xong vụ án thì sau đó đã khởi kiện bổ sung và đã được Tòa án thụ lý phần còn lại.

Việc vay tiền chỉ có bà G và ông Trịnh Thanh H thực hiện với nhau, vì vậy chỉ khởi kiện buộc một mình ông H phải trả số tiền vay còn thiếu.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Thanh H phải trả số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 2.263.800.000 đồng, trong đó: gốc 1.715.000.000 đồng,

lãi 1,6%/tháng tạm tính từ ngày 18/5/2020 âm lịch đến ngày 18/01/2022 âm lịch là 548.800.000 đồng, đồng thời yêu cầu ông H tiếp tục trả lãi đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại bản tường trình ngày 16/11/2020; biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2021; biên bản hòa giải ngày 25/11/2021 và ngày 18/02/2022 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông* ***Trịnh Thanh H*** *trình bày:*

Xác định và thừa nhận từng lần vay tiền, thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả, số tiền còn nợ bà G là hoàn toàn đúng như lời trình bày của ông T nêu trên.

Tất cả các biên nhận đều do ông viết và giao cho bà G nhận.

Nay thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho bà Trần Thị G số tiền vay còn thiếu là 2.263.800.000 đồng, trong đó: gốc 1.715.000.000 đồng, lãi 1,6%/tháng tạm tính từ ngày 18/5/2020 âm lịch đến ngày 18/01/2022 âm lịch là 548.800.000 đồng, đồng ý tiếp tục trả lãi đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, nhưng hẹn trả số tiền này trong vòng 24 tháng.

**** Tại phiên tòa*:**

- Ông Võ Thanh Thủy vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn ông Trịnh Thanh H vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng ông Võ Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn ông Trịnh Thanh H, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Trịnh Thanh H phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị G số tiền vay gốc và lãi còn thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho các

đương sự. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Trịnh Thanh H nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời ông Võ Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trịnh Thanh H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn bà G khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông H phải trả cho bà số tiền vay còn thiếu và bị đơn cũng thừa nhận. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản* và ông H có nơi cư trú tại ấp P, xã N, huyện Vĩnh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn bà Trần Thị G với bị đơn ông Trịnh Thanh H có xác lập hợp đồng dân sự vay tài sản không kỳ hạn và có lãi với nhau và hiện bị đơn ông H còn nợ nguyên đơn bà G số tiền vay gốc và lãi là 2.289.593.600 đồng, trong đó: gốc 1.715.000.000 đồng, lãi 1,6%/tháng tính từ ngày 18/5/2020 âm lịch đến ngày 16/02/2022 âm lịch là 574.593.600 đồng. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

Do đó, hiện nay bị đơn ông Trịnh Thanh H phải trả số tiền vay gốc và lãi còn thiếu đối với nguyên đơn bà Trần Thị G là 2.289.593.600 đồng, trong đó: gốc 1.715.000.000 đồng, lãi 1,6%/tháng tính từ ngày 18/5/2020 âm lịch đến ngày 16/02/2022 âm lịch là 574.593.600 đồng, vì đây là nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại các điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà G là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

[4] Về thời gian và phương thức thực hiện việc trả nợ, do hai bên đương sự không tự thoả thuận được nên HĐXX không thể ghi nhận, mà quyết định trách nhiệm của bị đơn ông Trịnh Thanh H phải trả nợ cho nguyên đơn bà Trần Thị G theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

Bị đơn ông Trịnh Thanh H phải chịu án phí có giá ngạch là **77.791.872 đồng** (72.000.000đ + 289.593.600 x 2%) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên,

ông Trịnh Thanh H thuộc diện người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được xem xét miễn nộp toàn bộ số tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 241 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trịnh Thanh H phải trả cho bà Trần Thị G số tiền vay gốc và lãi còn thiếu là 2.289.593.600 đồng, trong đó: gốc 1.715.000.000 đồng, lãi 1,6%/tháng tính từ ngày 18/5/2020 âm lịch đến ngày 16/02/2022 âm lịch là 574.593.600 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thị G, nếu ông Trịnh Thanh H không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho bà G thì hàng tháng ông H còn phải trả tiền lãi cho bà G theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Trịnh Thanh H được miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Trần Thị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Trần Thị G 32.991.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004090 ngày 13 tháng 7 năm 2021 và số 0003658 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 18/3/2022); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh